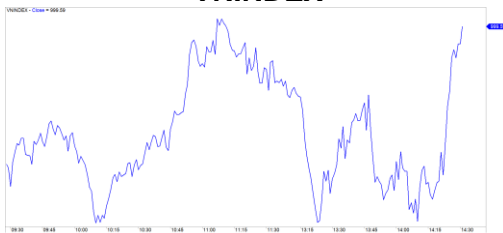


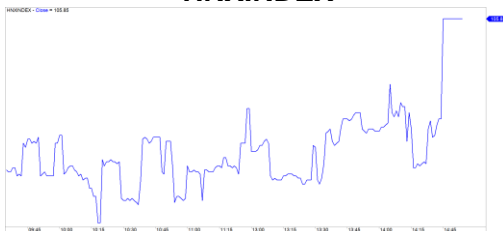
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	996.56	105.05	56.78
% ngày	-0.13%	0.27%	-0.28%
% tuần	0.91%	0.64%	0.16%
% tháng	1.27%	2.67%	-1.82%
% năm	-2.02%	-9.66%	4.74%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,768	340	226
TB 1 tuần	3,764	374	200
TB 1 tháng	3,878	372	276
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	355.72	4.09	40.47
Bán	431.22	4.03	13.64
Giá trị ròng	-75.50	0.06	26.82
Độ rộng TT			
Mã Tăng	140	74	191
Mã Giảm	151	63	110
Không Đổi	95	231	599
Chỉ số chính			
P/E	16.85	9.26	18.78
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,384	191	982
LS Cổ tức	1.36%	3.95%	5.28%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Tâm lý thị trường tiếp tục tích cực giúp các chỉ số bật tăng mạnh về cuối phiên. VN-Index chốt phiên tăng 0.3% dừng tại 999.59 điểm. Chỉ số HNX-Index tăng khá mạnh 0.76% neo tại 105.85. Chỉ số Upcom-Index nhích 0.1% chốt tại 56.84 điểm. Dòng tiền duy trì ở mức cao với giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 3,600 tỷ đồng trên cả ba sàn.

Nhóm Ngân hàng có sự đồng thuận ở đà tăng gồm VCB(+1.6%), TCB(+1.7%), BID(+1.5%), VPB(+1.4%), ACB(+1.3%), MBB(+1.1%). HDB(+2%) tiếp tục duy trì xung lực tăng mạnh với thanh khoản đạt gần 4,5 triệu đơn vị. CII tăng kịch trần tạm dừng tại mức 23,500 đồng/cp với thanh khoản hơn 2,1 triệu đơn vị. Nhóm Bất động sản cũng xuất hiện nhiều mã tăng khá tốt như HDC(+6.9%), DIG(+3.1%), NTL(+2.7%), NLG(+2.2%), KBC(+2.3%), TDH(+1.4%)...Sắc xanh có sự lan tỏa khi VN30-Index, VNMID-Index, VNSML-Index tăng lần lượt 0.37%, 0.39% và 0.49%.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng phiên thứ 5 liên tiếp với tổng giá trị 148.8 tỷ đồng trên toàn thị trường. Phía bán ròng, khối ngoại vẫn đang tập trung rút ròng tại VRE(-61.9 tỷ), HPG(-37.9 tỷ), VNM(-32.6 tỷ) đồng. Ở chiều ngược lại, CII(+24 tỷ), HDB(+17.2 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng áp lực điều chỉnh vẫn còn rất lớn và chỉ số VN-Index có thể sẽ chưa thể vượt hoàn toàn được mức 1,000 điểm. Đồng thời, rủi ro ngắn hạn của chỉ số VN30 vẫn đang ở mức cao cho nên các nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng trong việc mua đuổi ở nhịp tăng. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì ở mức cao cho thấy chiến lược ngắn hạn là vẫn duy trì tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 985.90 điểm của chỉ số VN-Index và 103.16 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục duy trì tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục và hạn chế mua đuổi ở nhịp tăng khi rủi ro ngắn hạn vẫn đang ở mức cao.

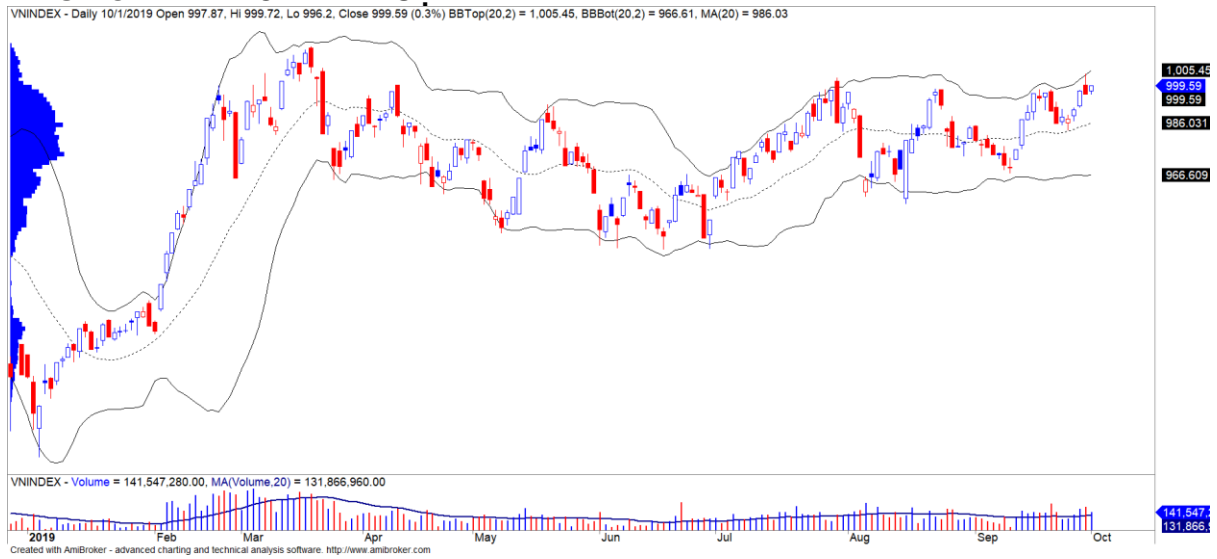
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 58% cổ phiếu/42% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	988	1,000	976	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	102.5	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.25	GIẢM	GIẢM		15.93				17.71		
ACB	23.70	GIẢM	GIẢM		24.15				23.85		
ACV	76.10	TĂNG	GIẢM	75.80	72.72	0.40%			83.54		
ANV	26.10	TĂNG	GIẢM	25.90	25.15	0.77%			27.58		
ASM	7.59	TĂNG	TĂNG	6.30	7.08	20.48%		7.61	5.80	-0.26%	
BFC	15.00	GIẢM	GIẢM		15.26				16.76		
BID	40.00	TĂNG	TĂNG	32.65	39.35	22.51%		33.40	36.62	19.76%	
BMP	51.70	TĂNG	TĂNG	51.80	50.49	-0.19%		48.30	45.90	7.04%	
BSR	9.50	TĂNG	GIẢM	10.10	9.14	-5.94%			10.51		
BVH	75.70	TĂNG	GIẢM	74.80	71.96	1.20%			80.41		
BWE	26.50	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-0.56%		20.00	25.45	32.50%	
CEO	10.10	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-1.94%			11.11		
CII	23.50	TĂNG	TĂNG	21.40	20.79	9.81%			22.49		
CMG	37.50	GIẢM	TĂNG		38.67			23.20	34.96	61.64%	
CMX	23.85	GIẢM	GIẢM		27.14			5.91	26.88	354.77%	BÁN
CSM	14.80	GIẢM	TĂNG		15.10			14.39	14.22	2.85%	
CTD	94.00	TĂNG	GIẢM	97.00	92.68	-3.09%			104.50		
CTG	21.30	TĂNG	GIẢM	20.85	20.63	2.16%			21.90		
CTG	21.30	TĂNG	GIẢM	20.85	20.63	2.16%			21.90		
CTR	48.80	TĂNG	N/A	46.50	41.78	4.95%		-	N/A		
CVT	23.40	TĂNG	TĂNG	21.25	21.35	10.12%		20.35	18.94	14.99%	
DCM	7.45	GIẢM	TĂNG		7.74			8.54	7.15	-12.76%	
DGC	26.60	TĂNG	GIẢM	27.80	26.08	-4.32%			30.54		
DGW	25.45	TĂNG	TĂNG	24.60	24.15	3.46%		23.50	21.79	8.30%	
DHA	30.00	GIẢM	GIẢM		32.98				35.00		
DHC	34.25	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	3.79%			35.33		
DHG	94.00	TĂNG	GIẢM	93.50	91.82	0.53%			99.56		
DIG	14.95	TĂNG	TĂNG	14.25	13.83	4.91%		13.90	12.65	7.55%	
DPG	47.20	TĂNG	GIẢM	47.20	45.95	0.00%	MUA		50.61		
DPM	13.55	TĂNG	GIẢM	13.60	13.11	-0.37%			14.62		
DPR	37.55	GIẢM	GIẢM		38.03				42.08		
DQC	18.35	GIẢM	GIẢM		18.62				20.27		
DRC	22.70	GIẢM	TĂNG	22.80	22.79	-0.05%	BÁN	21.60	20.67	5.09%	
DXG	17.45	TĂNG	TĂNG	16.15	16.52	8.05%		15.50	14.48	12.58%	
EIB	16.65	GIẢM	GIẢM		17.23				18.06		

We Create Fortune

FCN	12.85	TĂNG	GIẢM	12.65	12.18	1.58%		13.36		
FMC	27.30	GIẢM	TĂNG		27.65			31.60	26.18	-13.61%
FPT	58.50	TĂNG	TĂNG	45.20	55.95	29.42%		46.00	52.65	27.17%
GAS	106.20	TĂNG	GIẢM	105.20	102.13	0.95%			109.55	
GEX	22.30	TĂNG	TĂNG	22.20	22.04	0.45%		20.20	20.77	10.40%
GIL	20.20	TĂNG	GIẢM	21.00	19.51	-3.81%			23.76	
GMD	27.50	TĂNG	TĂNG	27.95	27.01	-1.61%		28.50	26.02	-3.51%
GTN	19.25	GIẢM	TĂNG		19.90			15.00	17.31	28.33%
GVR	14.20	GIẢM	N/A		14.42				N/A	
HAG	4.55	GIẢM	GIẢM		4.67				5.13	
HAX	17.60	GIẢM	TĂNG		18.03			15.75	17.40	11.75%
HBC	14.50	TĂNG	GIẢM	13.70	13.91	5.84%			15.19	
HCM	24.75	TĂNG	TĂNG	22.15	23.34	11.74%		23.40	20.04	5.77%
HDB	28.25	TĂNG	TĂNG	26.30	26.45	7.41%			27.71	
HDC	22.55	TĂNG	TĂNG	22.15	20.50	1.81%		15.25	18.89	47.87%
HDG	35.20	GIẢM	TĂNG		35.37			35.30	32.61	-0.28%
HNG	15.60	GIẢM	GIẢM		16.16				18.52	
HPG	21.90	GIẢM	GIẢM		22.80				23.96	
HSG	6.86	TĂNG	GIẢM	6.86	6.77	0.00%	MUA		7.44	
HT1	15.10	GIẢM	GIẢM		15.75				16.70	
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	-4.17%			2.71	
HVN	33.60	GIẢM	GIẢM		34.24				37.60	
KBC	15.35	GIẢM	TĂNG		15.40			15.35	14.37	0.00%
KDH	25.20	TĂNG	TĂNG	22.90	24.97	10.04%		24.00	23.00	5.00%
KSB	21.50	GIẢM	TĂNG		22.62			23.90	21.11	-10.04%
LCG	9.69	TĂNG	GIẢM	9.60	9.35	0.94%			10.47	
LDG	10.75	TĂNG	TĂNG	8.18	9.84	31.42%		9.89	8.90	8.70%
LHG	16.30	GIẢM	GIẢM		17.25				19.15	
LPB	7.60	GIẢM	GIẢM		7.76				8.25	
LSS	5.00	GIẢM	GIẢM		5.28				5.62	
MBB	23.05	TĂNG	TĂNG	22.20	22.23	3.83%		21.85	20.13	5.49%
MPC	25.80	GIẢM	GIẢM		27.29				33.18	
MSN	78.80	TĂNG	GIẢM	78.00	77.61	1.03%			81.93	
MSR	16.80	GIẢM	GIẢM		18.26				18.90	
MWG	127.50	TĂNG	TĂNG	122.40	121.90	4.17%		88.70	113.67	43.74%
NDN	17.30	GIẢM	TĂNG		17.62			13.70	16.27	26.28%
NKG	5.59	GIẢM	GIẢM		5.83				6.54	
NLG	28.40	GIẢM	TĂNG		28.58			28.70	26.73	-1.05%
NT2	24.10	GIẢM	GIẢM		24.64				26.28	

We Create Fortune

NTL	23.00	GIẢM	GIẢM		23.90			26.18			
NVL	63.60	TĂNG	TĂNG	64.00	61.40	-0.62%		63.00	62.33	0.95%	MUA
OIL	10.90	GIẢM	GIẢM		11.50			12.17			
PAC	28.55	TĂNG	GIẢM	28.70	26.77	-0.52%		31.05			
PC1	20.40	GIẢM	TĂNG		21.49		21.10	18.48	-3.32%		
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.57		29.00	25.01	-10.00%		
PHR	61.40	TĂNG	GIẢM	60.40	57.51	1.66%		65.37			
PLX	60.60	GIẢM	TĂNG		61.98		62.40	59.59	-2.88%		
PNJ	79.50	GIẢM	TĂNG		83.79		104.00	78.69	-23.56%		
POW	12.85	TĂNG	GIẢM	12.90	12.32	-0.39%		14.03			
PVT	17.00	GIẢM	TĂNG	18.20	17.27	-5.13%	BÁN	18.30	16.28	-7.10%	
PPC	26.30	TĂNG	GIẢM	26.50	25.18	-0.75%		28.66			
PTB	71.20	TĂNG	TĂNG	69.70	65.39	2.15%		64.00	64.57	11.25%	
PVB	19.50	GIẢM	TĂNG		20.57		20.10	18.62	-2.99%		
PVD	17.80	TĂNG	TĂNG	18.50	17.46	-3.78%		18.10	15.96	-1.66%	
PVI	33.80	GIẢM	GIẢM		34.64			37.43			
PVS	19.30	TĂNG	GIẢM	20.70	18.60	-6.76%		21.78			
PXS	4.55	GIẢM	GIẢM		5.03			6.02			
QNS	29.80	GIẢM	TĂNG		30.26		33.80	27.80	-11.83%		
REE	39.20	TĂNG	TĂNG	37.15	37.65	5.52%		33.33	33.97	17.63%	
SAB	262.00	GIẢM	TĂNG		270.34		245.00	257.56	6.94%		
SAM	7.80	TĂNG	TĂNG	7.99	7.56	-2.38%		7.40	7.47	5.41%	
SCR	6.53	GIẢM	GIẢM		6.69			7.01			
SHI	8.79	GIẢM	TĂNG		9.71		6.99	8.30	25.75%		
SJS	16.30	GIẢM	GIẢM		17.22		-	19.51			
SKG	11.05	GIẢM	GIẢM		11.48			12.13			
SSI	23.15	TĂNG	GIẢM	21.65	22.22	6.93%		23.26			
STB	10.50	TĂNG	GIẢM	10.55	10.28	-0.47%		11.09			
TCB	23.75	TĂNG	TĂNG	22.65	22.54	4.86%		22.65	20.77	4.86%	
TCM	22.45	TĂNG	GIẢM	23.00	22.13	-2.39%		25.52			
TDH	10.90	TĂNG	TĂNG	9.40	10.42	15.96%		10.15	9.54	7.39%	
TLH	4.46	GIẢM	GIẢM		4.68			5.06			
TNG	17.80	GIẢM	GIẢM		18.86			20.81			
VCB	83.40	TĂNG	TĂNG	80.00	79.33	4.25%		62.00	74.69	34.52%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-2.22%		19.20	24.08	37.50%	
VCS	108.40	TĂNG	TĂNG	87.80	99.09	23.46%		68.00	80.70	59.41%	
VGC	19.35	TĂNG	GIẢM	19.25	19.15	0.52%		20.53			
VGT	8.90	TĂNG	GIẢM	8.90	8.63	0.00%		9.82			
VHC	83.60	TĂNG	GIẢM	80.80	77.29	3.47%		87.84			

We Create Fortune

VHM	89.20	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	2.18%		90.20	80.11	-1.11%	
VIB	18.10	TĂNG	TĂNG	18.20	17.25	-0.55%		17.70	16.40	2.26%	
VIC	119.90	GIẢM	TĂNG		122.81			112.00	113.76	7.05%	
VIP	5.03	TĂNG	GIẢM	5.15	4.95	-2.33%			5.48		
VJC	137.50	GIẢM	TĂNG		139.00			124.50	130.27	10.44%	
VND	14.15	TĂNG	GIẢM	14.10	14.00	0.35%			15.06		
VNG	21.60	TĂNG	TĂNG	19.10	21.13	13.09%		20.20	19.28	6.93%	
VNM	128.00	TĂNG	GIẢM	124.00	126.17	3.23%		130.10	128.24	-1.43%	MUA
VPB	22.35	TĂNG	TĂNG	19.10	21.47	17.02%		20.30	19.11	10.10%	
VPI	42.00	TĂNG	TĂNG	42.20	41.24	-0.47%		41.30	39.30	1.69%	
VRC	15.80	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	3.27%			16.26		
VRE	32.70	GIẢM	GIẢM		34.04			35.00	33.61	-3.98%	BÁN
VSC	27.60	GIẢM	GIẢM		28.68				31.41		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.70	GIẢM	GIẢM		24.15				23.85		
BID	40.00	TĂNG	TĂNG	32.65	39.35	22.51%		33.40	36.62	19.76%	
BSR	9.50	TĂNG	GIẢM	10.10	9.14	-5.94%			10.51		
BVH	75.70	TĂNG	GIẢM	74.80	71.96	1.20%			80.41		
CTG	21.30	TĂNG	GIẢM	20.85	20.63	2.16%			21.90		
EIB	16.65	GIẢM	GIẢM		17.23				18.06		
FPT	58.50	TĂNG	TĂNG	45.20	55.95	29.42%		41.00	52.65	42.69%	
GAS	106.20	TĂNG	GIẢM	105.20	102.13	0.95%			109.55		
HDB	28.25	TĂNG	TĂNG	26.30	26.45	7.41%			27.71		
HNG	15.60	GIẢM	GIẢM		16.16				18.52		
HPG	21.90	GIẢM	GIẢM		22.80				23.96		
HVN	33.60	GIẢM	GIẢM		34.24				37.60		
KDH	25.20	TĂNG	TĂNG	22.90	24.97	10.04%		24.00	23.00	5.00%	
MBB	23.05	TĂNG	TĂNG	22.20	22.23	3.83%		21.27	20.13	8.36%	
MSN	78.80	TĂNG	GIẢM	78.00	77.61	1.03%			81.93		
MWG	127.50	TĂNG	TĂNG	122.40	121.90	4.17%		88.70	113.67	43.74%	
NVL	63.60	TĂNG	TĂNG	64.00	61.40	-0.62%		63.00	62.33	0.95%	MUA
OIL	10.90	GIẢM	GIẢM		11.50				12.17		
PLX	60.60	GIẢM	TĂNG		61.98			59.97	59.59	1.05%	
PNJ	79.50	GIẢM	TĂNG		83.79			77.88	78.69	2.08%	

We Create Fortune

POW	12.85	TĂNG	GIẢM	12.90	12.32	-0.39%			14.03		
PVS	19.30	TĂNG	GIẢM	20.70	18.60	-6.76%			21.78		
QNS	29.80	GIẢM	TĂNG		30.26			33.80	27.80	-11.83%	
REE	39.20	TĂNG	TĂNG	37.15	37.65	5.52%		33.33	33.97	17.63%	
ROS	26.20	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-4.73%			29.25		
SSI	23.15	TĂNG	GIẢM	21.65	22.22	6.93%			23.26		
STB	10.50	TĂNG	GIẢM	10.55	10.28	-0.47%			11.09		
TCB	23.75	TĂNG	TĂNG	22.65	22.54	4.86%		22.65	20.77	4.86%	
TPB	22.50	TĂNG	GIẢM	22.70	21.57	-0.88%			N/A		
VCB	83.40	TĂNG	TĂNG	80.00	79.33	4.25%		62.00	74.69	34.52%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-2.22%		18.44	24.08	43.16%	
VEA	55.10	TĂNG	GIẢM	55.20	53.83	-0.18%			N/A		
VGI	33.00	GIẢM	GIẢM		33.18				N/A		
VHM	89.20	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	2.18%		90.20	80.11	-1.11%	
VIB	18.10	TĂNG	TĂNG	18.20	17.25	-0.55%		17.70	16.40	2.26%	
VIC	119.90	GIẢM	TĂNG		122.81			112.00	113.76	7.05%	
VJC	137.50	GIẢM	TĂNG		139.00			124.50	130.27	10.44%	
VNM	128.00	TĂNG	GIẢM	124.00	126.17	3.23%		130.10	128.24	-1.43%	MUA
VPB	22.35	TĂNG	TĂNG	19.10	21.47	17.02%		20.30	19.11	10.10%	
VRE	32.70	GIẢM	GIẢM		34.04			34.00	33.61	-1.15%	BÁN

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.25	GIẢM	GIẢM		15.93				17.71		
ANV	26.10	TĂNG	GIẢM	25.90	25.15	0.77%			27.58		
ASM	7.59	TĂNG	TĂNG	6.30	7.08	20.48%		7.61	5.80	-0.26%	
BMP	51.70	TĂNG	TĂNG	51.80	50.49	-0.19%		48.30	45.90	7.04%	
BWE	26.50	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-0.56%		19.44	25.45	36.32%	
C4G	6.40	GIẢM	GIẢM		7.32				8.51		
CEO	10.10	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-1.94%			11.11		
CII	23.50	TĂNG	TĂNG	21.40	20.79	9.81%			22.49		
CRE	24.80	TĂNG	GIẢM	25.40	24.63	-2.36%			26.06		
CTI	24.45	TĂNG	GIẢM	24.00	23.39	1.88%			24.64		
CTR	48.80	TĂNG	#N/A	46.50	41.78	4.95%		-	#N/A		
DCM	7.45	GIẢM	TĂNG		7.74			8.54	7.15	-12.76%	
DHC	34.25	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	3.79%			35.33		

We Create Fortune

DIG	14.95	TĂNG	TĂNG	14.25	13.83	4.91%		13.90	12.65	7.55%	
DPM	13.55	TĂNG	GIẢM	13.60	13.11	-0.37%			14.62		
DRC	22.70	GIẢM	TĂNG	22.80	22.79	-0.05%	BÁN	21.60	20.67	5.09%	
DXG	17.45	TĂNG	TĂNG	16.15	16.52	8.05%		15.50	14.48	12.58%	
E1VFN30	15.50	TĂNG	TĂNG	14.62	15.12	6.02%		15.26	14.27	1.57%	
FCN	12.85	TĂNG	GIẢM	12.65	12.18	1.58%			13.36		
FLC	3.63	GIẢM	GIẢM		3.74				4.03		
FTM	3.40	GIẢM	GIẢM		3.63				8.42		
GEG	27.40	GIẢM	TĂNG		28.59			12.90	24.99	112.40%	
GEX	22.30	TĂNG	TĂNG	22.20	22.04	0.45%		20.20	20.77	10.40%	
GMD	27.50	TĂNG	TĂNG	27.95	27.01	-1.61%		28.50	26.02	-3.51%	
GTN	19.25	GIẢM	TĂNG		19.90			15.00	17.31	28.33%	
GVR	14.20	GIẢM	#N/A		14.42			-	#N/A		
HAG	4.55	GIẢM	GIẢM		4.67				5.13		
HBC	14.50	TĂNG	GIẢM	13.70	13.91	5.84%			15.19		
HCM	24.75	TĂNG	TĂNG	22.15	23.34	11.74%		23.40	20.04	5.77%	
HDG	35.20	GIẢM	TĂNG		35.37			35.30	32.61	-0.28%	
HPX	26.10	GIẢM	#N/A		27.01			-	#N/A		
HSG	6.86	TĂNG	GIẢM	6.86	6.77	0.00%	MUA		7.44		
HT1	15.10	GIẢM	GIẢM		15.75				16.70		
IBC	20.25	GIẢM	TĂNG		20.57			24.90	20.15	-18.67%	BÁN
IDI	7.16	TĂNG	TĂNG	6.34	7.10	12.93%		7.53	5.67	-4.91%	
IJC	15.70	TĂNG	TĂNG	15.70	14.47	0.00%		13.10	13.12	19.85%	
ITA	3.20	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-2.74%		3.20	2.96	0.00%	
KBC	15.35	GIẢM	TĂNG		15.40			15.35	14.37	0.00%	
KSB	21.50	GIẢM	TĂNG		22.62			23.90	21.11	-10.04%	
LDG	10.75	TĂNG	TĂNG	8.18	9.84	31.42%		9.89	8.90	8.70%	
LPB	7.60	GIẢM	GIẢM		7.76				8.25		
MBS	15.00	TĂNG	TĂNG	15.70	14.85	-4.46%		16.00	14.25	-6.25%	
MPC	25.80	GIẢM	GIẢM		27.29				33.18		
NBB	21.20	TĂNG	GIẢM	20.85	19.83	1.68%			22.02		
NKG	5.59	GIẢM	GIẢM		5.83				6.54		
NLG	28.40	GIẢM	TĂNG		28.58			28.70	26.73	-1.05%	
NT2	24.10	GIẢM	GIẢM		24.64				26.28		
NTC	168.90	TĂNG	GIẢM	168.90	168.71	0.00%	MUA		192.49		
NTL	23.00	GIẢM	GIẢM		23.90				26.18		
NVB	8.40	TĂNG	TĂNG	7.60	7.87	10.53%		8.50	8.10	-1.18%	MUA
OGC	3.84	GIẢM	GIẢM		4.04				4.31		

We Create Fortune

PC1	20.40	GIẢM	TĂNG		21.49			19.30	18.48	5.70%	
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.57			23.60	25.01	10.62%	
PHR	61.40	TĂNG	GIẢM	60.40	57.51	1.66%			65.37		
PPC	26.30	TĂNG	GIẢM	26.50	25.18	-0.75%			28.66		
PTB	71.20	TĂNG	TĂNG	69.70	65.39	2.15%		60.78	64.57	17.14%	
PVD	17.80	TĂNG	TĂNG	18.50	17.46	-3.78%		18.10	15.96	-1.66%	
PVI	33.80	GIẢM	GIẢM		34.64				37.43		
PVT	17.00	GIẢM	TĂNG	18.20	17.27	-5.13%	BÁN	18.30	16.28	-7.10%	
QCG	4.50	GIẢM	GIẢM		4.79				5.28		
SAM	7.80	TĂNG	TĂNG	7.99	7.56	-2.38%		7.40	7.47	5.41%	
SBT	17.80	TĂNG	TĂNG	16.50	17.42	7.88%		17.50	16.44	1.71%	
SCR	6.53	GIẢM	GIẢM		6.69				7.01		
SHB	6.60	TĂNG	GIẢM	6.60	6.36	0.00%			6.86		
SHS	8.60	TĂNG	TĂNG	7.40	7.83	16.22%		8.40	8.12	2.38%	MUA
SJS	16.30	GIẢM	GIẢM		17.22				19.51		
STK	19.15	GIẢM	GIẢM		20.92				24.27		
SZC	18.50	GIẢM	#N/A		19.76			-	#N/A		
TCH	23.80	TĂNG	TĂNG	22.05	22.96	7.94%		22.50	21.23	5.78%	
TCM	22.45	TĂNG	GIẢM	23.00	22.13	-2.39%			25.52		
TNG	17.80	GIẢM	GIẢM		18.86				20.81		
TTB	23.30	GIẢM	TĂNG		23.76			24.50	22.71	-4.90%	
VCI	35.00	TĂNG	TĂNG	34.50	33.85	1.45%		36.00	30.78	-2.78%	
VGT	8.90	TĂNG	GIẢM	8.90	8.63	0.00%			9.82		
VHC	83.60	TĂNG	GIẢM	80.80	77.29	3.47%			87.84		
VND	14.15	TĂNG	GIẢM	14.10	14.00	0.35%			15.06		
VNG	21.60	TĂNG	TĂNG	19.10	21.13	13.09%		20.20	19.28	6.93%	
VPI	42.00	TĂNG	TĂNG	42.20	41.24	-0.47%		41.30	39.30	1.69%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.00	GIẢM	#N/A		9.81			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.50	TĂNG	TĂNG	4.55	4.17	-1.10%		3.99	4.34	12.78%	
AMD	1.53	GIẢM	GIẢM		1.58				1.79		
APG	8.85	TĂNG	TĂNG	9.19	8.81	-3.70%		9.90	7.90	-10.61%	
ART	1.90	TĂNG	GIẢM	2.00	1.76	-5.00%			2.25		
BCC	7.50	GIẢM	GIẢM		7.80				8.63		

We Create Fortune

BCG	8.45	TĂNG	TĂNG	5.82	8.13	45.19%		6.39	7.06	32.24%	
C69	28.40	TĂNG	TĂNG	18.30	26.02	55.19%		5.30	21.41	435.85%	
CCL	9.30	GIẢM	TĂNG	6.38	9.58	50.19%	BÁN	3.46	8.57	168.79%	
CRC	14.70	GIẢM	GIẢM		15.91			18.90	15.04	-20.40%	
CVT	23.40	TĂNG	TĂNG	21.25	21.35	10.12%		20.35	18.94	14.99%	
DAG	6.50	GIẢM	TĂNG		6.86			7.09	6.22	-8.32%	
DAH	9.70	GIẢM	GIẢM		10.48				12.12		
DGW	25.45	TĂNG	TĂNG	24.60	24.15	3.46%		23.50	21.79	8.30%	
DLG	1.53	TĂNG	GIẢM	1.61	1.52	-4.97%			1.65		
DRH	7.12	GIẢM	GIẢM		7.66				7.76		
DTD	15.00	GIẢM	TĂNG		16.12			12.90	14.20	16.28%	
EVG	2.60	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-7.14%			2.99		
FIT	3.48	TĂNG	TĂNG	3.59	3.34	-3.06%		3.64	3.03	-4.40%	
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	0.67%			15.54		
HAH	14.20	GIẢM	TĂNG		14.97			13.00	13.89	9.23%	
HAI	1.63	GIẢM	GIẢM		1.67				1.86		
HAP	3.39	GIẢM	TĂNG		3.42			3.67	3.25	-7.63%	
HAR	3.64	TĂNG	GIẢM	3.56	3.57	2.25%			3.88		
HCD	3.41	TĂNG	GIẢM	3.56	3.33	-4.21%			3.95		
HDA	10.90	TĂNG	GIẢM	11.20	10.66	-2.68%			12.07		
HDC	22.55	TĂNG	TĂNG	22.15	20.50	1.81%		15.25	18.89	47.87%	
HHP	11.60	GIẢM	GIẢM		12.11				13.73		
HHS	3.12	TĂNG	GIẢM	3.04	3.02	2.63%			3.20		
HII	11.70	TĂNG	GIẢM	11.60	11.31	0.86%			12.29		
HQC	1.14	GIẢM	GIẢM		1.24				1.34		
HSL	7.89	GIẢM	TĂNG		8.68			9.84	7.71	-19.82%	
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	-4.17%			2.71		
HVG	2.88	GIẢM	GIẢM		3.05				3.75		
HVH	17.75	GIẢM	#N/A		18.65				#N/A		
JVC	3.48	TĂNG	TĂNG	2.76	3.25	26.09%		3.10	2.68	12.26%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.49		
KMR	2.55	GIẢM	GIẢM		2.62				2.94		
LCG	9.69	TĂNG	GIẢM	9.60	9.35	0.94%			10.47		
LGL	10.10	GIẢM	TĂNG		11.08			7.11	9.49	41.99%	
LHG	16.30	GIẢM	GIẢM		17.25				19.15		
LMH	15.20	GIẢM	#N/A		16.29			-	#N/A		
MST	3.60	TĂNG	TĂNG	2.80	3.12	28.57%		3.40	3.16	5.88%	MUA
NDN	17.30	GIẢM	TĂNG		17.62			13.10	16.27	32.02%	
PHC	13.55	TĂNG	TĂNG	13.30	12.68	1.88%			13.46		



We Create Fortune

PVB	19.50	GIẢM	TĂNG		20.57			20.10	18.62	-2.99%	
PVC	7.20	TĂNG	TĂNG	7.30	6.88	-1.37%		7.10	6.67	1.41%	
PXL	5.00	GIẢM	GIẢM		5.26				6.65		
PXS	4.55	GIẢM	GIẢM		5.03				6.02		
QBS	2.98	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	7.05	GIẢM	GIẢM		7.37				9.13		
SHI	8.79	GIẢM	TĂNG		9.71			6.23	8.30	41.03%	
SJF	2.53	TĂNG	GIẢM	2.72	2.52	-6.99%			3.30		
SKG	11.05	GIẢM	GIẢM		11.48				12.13		
TDH	10.90	TĂNG	TĂNG	9.40	10.42	15.96%		10.15	9.54	7.39%	
TIG	4.20	TĂNG	TĂNG	3.40	3.58	23.53%		3.20	3.03	31.25%	
TLD	4.50	GIẢM	GIẢM		4.94				7.06		
TLH	4.46	GIẢM	GIẢM		4.68				5.06		
TNI	10.30	TĂNG	GIẢM	10.30	10.01	0.00%			11.25		
TTF	2.82	GIẢM	GIẢM		2.99				3.40		
TTH	3.00	GIẢM	GIẢM		3.08				3.39		
TVB	16.10	GIẢM	GIẢM		17.03				18.55		
TVC	16.30	TĂNG	TĂNG	16.80	16.03	-2.98%		14.30	14.38	13.99%	
VC3	23.30	TĂNG	TĂNG	23.20	22.93	0.43%		22.00	21.61	5.91%	
VCR	20.10	GIẢM	GIẢM		21.57				25.98		
VNE	3.41	TĂNG	GIẢM	3.35	3.25	1.79%			3.70		
VPG	22.90	TĂNG	TĂNG	21.40	22.13	7.01%		20.46	20.11	11.95%	
VRC	15.80	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	2.60%			16.26		
YBM	6.80	GIẢM	GIẢM		7.66				11.71		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	999.59	0.30%
VN30	926.31	0.37%
VN Mid	987.03	0.39%
VN Small	805.01	0.49%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	105.85	0.76%
HN30	192.42	0.70%
VNX AllSh	890.14	0.25%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.84	0.11%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	376.66	
Bán	516.24	
GT ròng	-139.58	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	3.29	
Bán	13.81	
GT ròng	-10.52	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	38.04	
Bán	36.81	
GT ròng	1.24	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTF	1550	6.92%
HDC	1450	6.87%
CII	1500	6.82%
IJC	1000	6.80%
DPG	3000	6.79%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCS	5700	5.55%
PGS	900	2.90%
SHS	200	2.38%
L14	1200	2.12%
TAR	500	1.75%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GVR	600	4.41%
CTR	1700	3.61%
NTC	4300	2.61%
NTC	4300	2.61%
VGI	400	1.23%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TRA	-2600	-4.15%
BCG	-350	-3.98%
DRC	-700	-2.99%
FRT	-1300	-2.87%
TCM	-500	-2.18%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNG	-400	-2.20%
DHT	-1000	-2.17%
TVC	-300	-1.81%
MBS	-200	-1.32%
PVS	-200	-1.03%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HTM	-1300	-8.50%
NHH	-3200	-7.86%
C4G	-400	-5.88%
BWS	-1100	-3.64%
ACV	-1000	-1.30%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	401,178	
VCB	309,320	
VHM	298,777	
VNM	222,896	
GAS	203,261	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,425	
VCS	16,997	
VCG	11,661	
PVS	9,225	
SHB	7,941	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	165,158	
VGI	100,878	
VEA	73,131	
GVR	56,612	
MCH	52,120	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	36,771,188	21,208,885
SBT	19,599,402	3,694,131
EIB	5,727,900	2,272,772
VPB	4,693,290	4,446,921
SCR	4,686,800	3,968,773

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
NVB	3,109,300	960,669
PVS	2,155,070	2,323,580
VGS	2,047,604	104,473
SHB	1,957,815	4,477,558
SJ1	1,941,816	94,063

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SIP	1,541,200	328,759
LPB	1,366,876	321,113
GVR	1,360,300	695,933
BSR	1,360,255	1,761,902
VIB	953,689	757,230

Nguồn: Bloomberg & YSVN

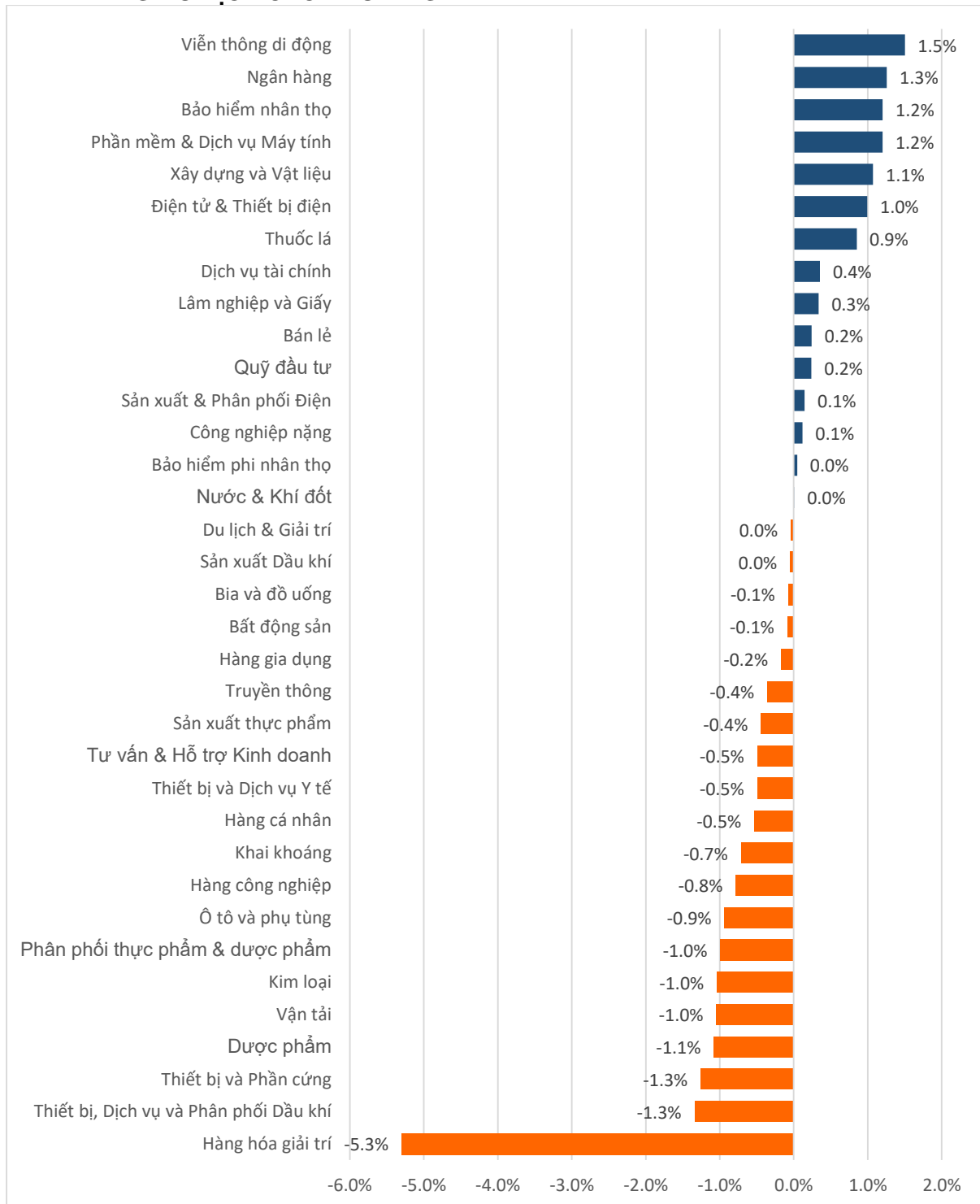
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



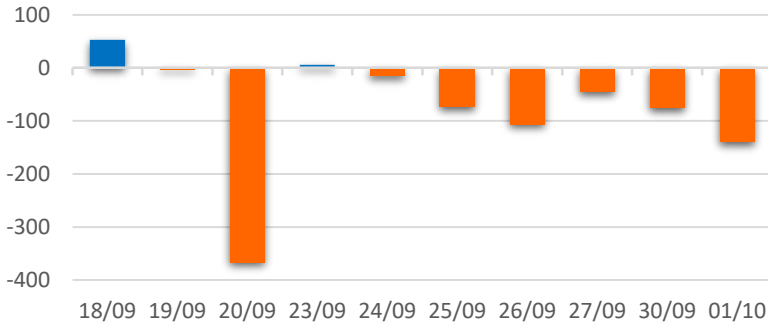
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

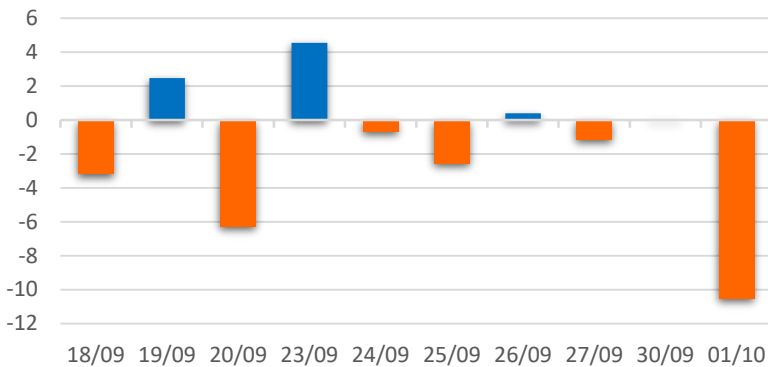
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
CII	24,005	VRE	61,958
HDB	17,253	HPG	37,962
BMP	4,471	VNM	32,605
KDH	4,436	LDG	9,791
KBC	4,080	VND	8,352

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

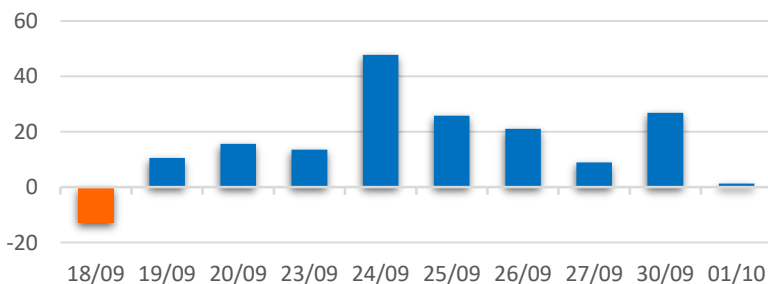
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHS	1,368	TNG	5,812
SHB	618	VCS	4,407
TIG	250	PGS	1,514
SD6	130	PVS	1,023
VMC	74	MAS	203

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	5,631	LPB	6,851
ACV	5,521	BSR	5,696
MPC	3,499	KDF	333
VTP	999	NTC	118
VEA	691	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



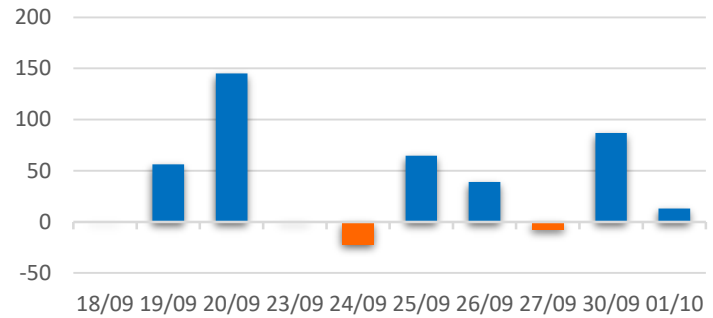
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

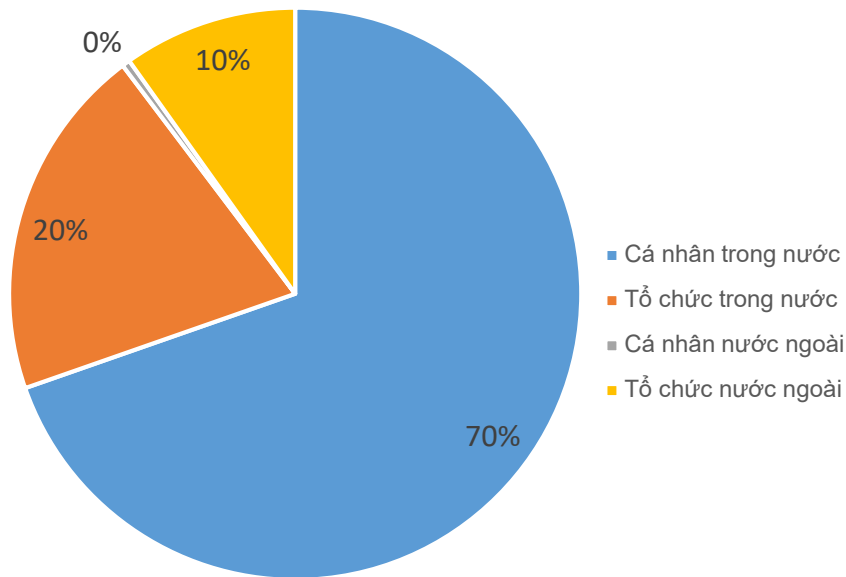
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPX	15,600	MWG	9,405
MBB	12,222	HPG	6,536
MWG	9,858	VNM	6,205
HPG	9,171	TCB	5,892
FPT	8,474	MBB	5,558

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

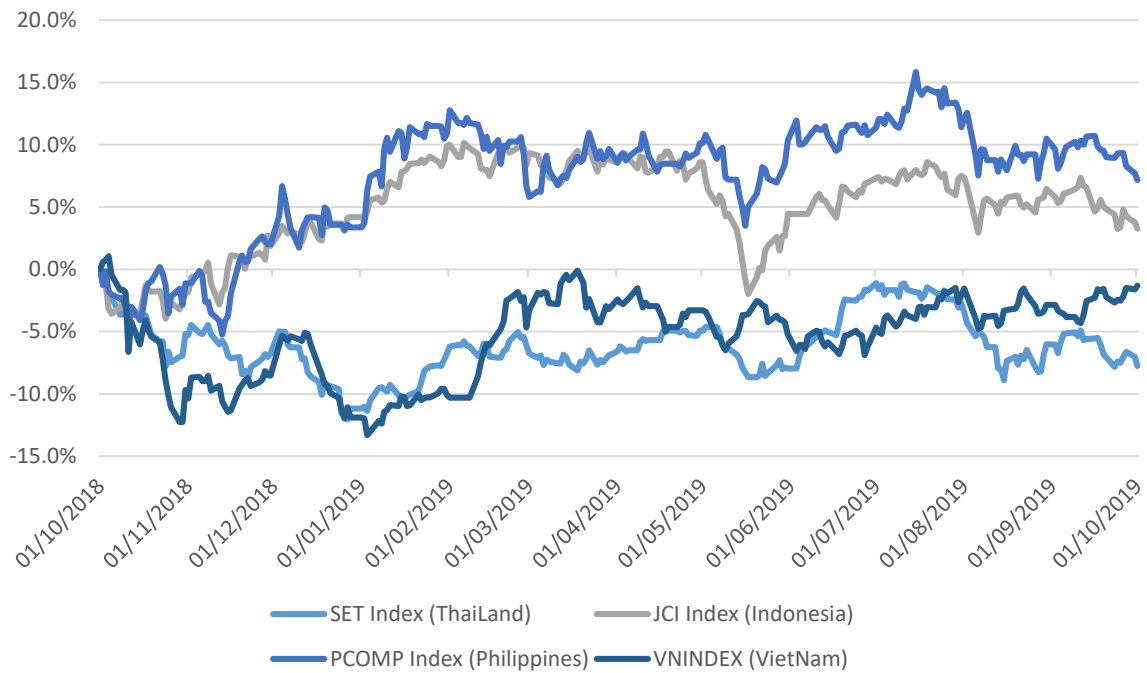


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

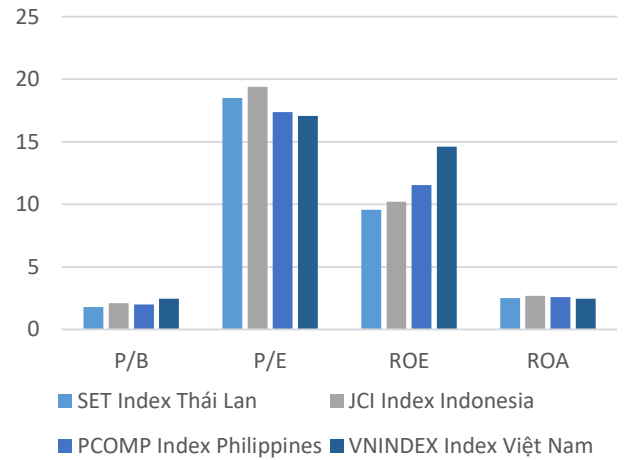
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.5x
P/E		18.5x	19.4x	17.4x	17.1x
ROE	%	9.57	10.21	11.54	14.60
ROA	%	2.51	2.70	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	549.42	499.98	187.82	145.30
GTGD	Triệu USD	1.15	0.46	0.09	0.14
LS cổ tức	%	3.15	2.50	1.69	1.95

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written